



**SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE**

**MILINDAPAÑHAPĀḶI**

**&**

**MILINDA VẤN ĐẠO**

## 6. AKĀLAMARAṆAPAÑHO

1. “**Bhante nāgasena, ye te sattā maranti, sabbe te kāle yeva maranti, udāhu akāle ’pi marantī**”ti.

“Atthi mahārāja kāle ’pi maraṇaṃ, atthi akāle ’pi maraṇaṃ”ti.

“Ke te bhante nāgasena kāle maranti?<sup>1</sup> Ke akāle marantī”ti?

“Diṭṭhapubbā pana mahārāja tayā ambarukkhā vā jamburukkhā vā aññasma vā pana phalarukkhā phalāni patantāni āmāni ca pakkāni cā”ti?

“Āma bhante”ti.

“Yāni tāni mahārāja phalāni rukkhato patanti, sabbāni tāni kāle yeva patanti, udāhu akālepī”ti?

“Yāni tāni bhante nāgasena phalāni paripakkāni vilīnāni patanti sabbāni tāni kāle patanti. Yāni pana tāni avasesāni phalāni tesu kānici kimividdhāni patanti, kānici lakuṭahatāni<sup>2</sup> patanti, kānici vātapahaṭāni<sup>3</sup> patanti, kānici antopūtīkāni hutvā patanti, sabbāni tāni akāle patantī”ti.

“Evameva kho mahārāja, ye te jarāvegahatā maranti, teyeva kāle maranti. Avasesā keci kammaapatibāḷhā maranti, keci gatīpatibāḷhā, keci kiriyapatīpatibāḷhā marantī”ti.

“Bhante nāgasena, ye te kammaapatīpatibāḷhā maranti, ye ’pi te gatīpatīpatibāḷhā maranti, ye ’pi te kiriyapatīpatibāḷhā maranti, ye ’pi te jarāvegapatīpatibāḷhā maranti, sabbe te kāleyeva maranti. Yo ’pi mātukucchigato marati, so tassa kālo kāle yeva so marati. Yo ’pi vijātaghare marati, so tassa kālo, so ’pi kāle yeva marati. Yo ’pi māsiko marati —pe— Yo ’pi vassatiko marati, so tassa kālo, kāle yeva so marati. Tena hi bhante nāgasena akāle maraṇaṃ nāma na hoti, ye keci maranti, sabbe te kāle yeva marantī”ti.

2. “Sattime mahārāja vijjamāne ’pi uttariṃ āyusmiṃ akāle maranti. Katame satta?

Jighacchito mahārāja bhojanaṃ alabhamāno upahatabbhantaro vijjamāne ’pi uttariṃ āyusmiṃ akāle marati.

Pipāsito mahārāja pānīyaṃ alabhamāno parisukkhahadayo vijjamāne ’pi uttariṃ āyusmiṃ akāle marati.

<sup>1</sup> bhante nāgasena, ke kāle maranti - Ma.

<sup>2</sup> laguḷahatāni - Ma.

<sup>3</sup> vātappahatāni - Ma.

## 6. CÂU HỎI VỀ VIỆC CHẾT KHÔNG ĐÚNG THỜI:

1. **“Thưa ngài Nāgasena, các chúng sanh chết đi, tất cả bọn họ đều chết đúng thời, hay là cũng có chết không đúng thời?”**

“Tâu đại vương, có cái chết đúng thời, cũng có cái chết không đúng thời.”

“Thưa ngài Nāgasena, những người chết đúng thời ấy là những người nào? Chết không đúng thời là những người nào?”

“Tâu đại vương, phải chăng trước đây ngài đã nhìn thấy những trái cây, cả trái non lẫn trái chín, đang rụng xuống từ cây xoài, hoặc từ cây mận, hoặc từ cây có trái khác nữa?”

“Thưa ngài, đúng vậy.”

“Tâu đại vương, những trái cây nào rụng từ cây xuống, tất cả những trái ấy rụng xuống đều đúng thời, hay là cũng có không đúng thời?”

“Thưa ngài Nāgasena, những trái cây nào là chín muồi, được phát triển đầy đủ, rồi rụng xuống, tất cả những trái ấy rụng xuống đúng thời. Trái lại, những trái cây nào còn lại, trong số đó những trái nào bị sâu đục rồi rụng xuống, những trái nào bị thọc bởi gậy gộc rồi rụng xuống, những trái nào bị cuốn đi bởi gió rồi rụng xuống, những trái nào bị thổi ở bên trong rồi rụng xuống, tất cả những trái ấy rụng xuống không đúng thời.”

“Tâu đại vương, tương tự y như thế những người bị tàn tạ bởi tác động của tuổi già rồi chết, chính những người ấy chết đúng thời. Số còn lại, những ai đó bị thúc bách bởi nghiệp rồi chết, những ai đó bị thúc bách bởi cảnh giới tái sanh rồi chết, những ai đó bị thúc bách bởi hành động rồi chết, (những người này chết không đúng thời).”

“Thưa ngài Nāgasena, những người bị thúc bách bởi nghiệp rồi chết, những người bị thúc bách bởi cảnh giới tái sanh rồi chết, những người bị thúc bách bởi hành động rồi chết, những người bị thúc bách bởi tác động của tuổi già rồi chết, tất cả những người ấy chết đều đúng thời. Người nhập thai ở bụng mẹ rồi chết, (vì) thời điểm ấy là thuộc về người ấy (nên) người ấy chết cũng đúng thời. Người (được sanh ra) ở nhà bảo sanh rồi chết, (vì) thời điểm ấy là thuộc về người ấy (nên) người ấy chết cũng đúng thời. Người một tháng tuổi rồi chết, —(như trên)— Người một năm tuổi rồi chết, (vì) thời điểm ấy là thuộc về người ấy (nên) người ấy chết cũng đúng thời. Thưa ngài Nāgasena, như thế thì không có cái gọi là chết không đúng thời. Những ai đó chết đi, tất cả những người ấy chết đều đúng thời.”

2. **“Tâu đại vương, bảy hạng người này chết không đúng thời, ngay trong khi tuổi thọ vẫn đang còn. Bảy hạng nào?”**

Tâu đại vương, người bị thèm ăn, trong khi không nhận được vật thực, có nội tạng bị tổn thương, chết không đúng thời, ngay trong khi tuổi thọ vẫn đang còn.

Tâu đại vương, người bị thèm uống, trong khi không đạt được nước uống, trái tim bị khô kiệt, chết không đúng thời, ngay trong khi tuổi thọ vẫn đang còn.

Ahinā daṭṭho mahārāja visavegābhīhato tikicchakaṃ alabhamāno vijjamāne 'pi uttariṃ āyusmiṃ akāle marati.

Visamāsito mahārāja ḍayhantesu aṅgapaccaṅgesu agadaṃ alabhamāno vijjamāne 'pi uttariṃ āyusmiṃ akāle marati.

Aggigato mahārāja jhāyamāno nibbāpanaṃ alabhamāno vijjamāne 'pi uttariṃ āyusmiṃ akāle marati.

Udakagato mahārāja patitṭhaṃ alabhamāno vijjamāne 'pi uttariṃ āyusmiṃ akāle marati.

Sattihato mahārāja ābādhiko bhisakkaṃ alabhamāno vijjamāne 'pi uttariṃ āyusmiṃ akāle marati.

Ime kho mahārāja satta vijjamāne 'pi uttariṃ āyusmiṃ akāle maranti.

Tatrāpāhaṃ mahārāja ekaṃsena vadāmi. Aṭṭhavidhena mahārāja sattānaṃ kālakiriyā<sup>1</sup> hoti: Vātasamuṭṭhānena pittasamuṭṭhānena semhasamuṭṭhānena sannipātikena utupariṇāmena visamaparihārena opakkamikena kammavipākena mahārāja sattānaṃ kālakiriyā hoti. Tatra mahārāja yadidaṃ kammavipākena kālakiriyā, sāyeva tattha sāmāyikā<sup>2</sup> kālakiriyā, avasesā asāmāyikā kālakiriyā. Bhavati ca:

**'Jighacchāya pipāsāya ahinā daṭṭho<sup>3</sup> visena ca,  
aggi-udaka-sattīhi akāle tattha mīyati.**

**Vātapittena semhena santipātenutūhi ca,  
visamopakkamakammehi akāle tattha mīyati<sup>4</sup> ti.**

3. Keci mahārāja sattā pubbe katena tena tena akusalakammavipākena maranti. Idha mahārāja yo pubbe pare jighacchāya māreti, so bahūni vassasatasahassāni jighacchāya paripīlito chāto parikilanto sukkhamilāta-hadayo<sup>4</sup> bubhukkhito susukkhito<sup>5</sup> jhāyanto abbhantaraṃ pariḍayhanto jighacchāyeva<sup>6</sup> marati, daharo 'pi majjhimo 'pi mahallako 'pi. Idampi tassa sāmāyikaṃ maraṇaṃ.

Yo pubbe pare pipāsāya māreti, so bahūni vassasatasahassāni peto hutvā nijjhāmatāṇhiko samāno lūkho kiso parisussitahadayo pipāsāyeva<sup>7</sup> marati daharo 'pi majjhimo 'pi mahallako 'pi. Idampi tassa sāmāyikaṃ maraṇaṃ.

Yo pubbe pare ahinā dasāpetvā<sup>8</sup> māreti, so bahūni vassasatasahassāni ajagaramukheneva ajagaramukhaṃ kaṇhasappamukheneva kaṇhasappamukhaṃ parivattitvā tehi khāyitakhāyito ahīhi daṭṭho yeva marati, daharo 'pi majjhimo 'pi mahallako 'pi. Idampi tassa sāmāyikaṃ maraṇaṃ.

<sup>1</sup> kālāṃkiriyā - Ma, evaṃ sabbattha.

<sup>2</sup> sāmāyikā - PTS, evaṃ sabbattha.

<sup>3</sup> ahidaṭṭhā - Ma.

<sup>4</sup> sukkha-pamilāta-hadayo - PTS, Sīmu.

<sup>5</sup> bubhukkhito visukkhito - Ma; sukkhino visukkhito - PTS, Sīmu.

<sup>6</sup> jighacchāya yeva - Ma, PTS.

<sup>7</sup> parisukkhita-hadayo pipāsāya yeva - Ma, PTS.

<sup>8</sup> ḍasāpetvā - Ma.

Tâu đại vương, người bị rắn cắn, bị hành hạ bởi tác động của nọc độc, trong khi không đạt được người chữa trị, chết không đúng thời, ngay trong khi tuổi thọ vẫn đang còn.

Tâu đại vương, người đã ăn vào chất độc, trong khi các bộ phận cơ thể chính và phụ đang bị nung nóng, trong khi không đạt được thuốc giải, chết không đúng thời, ngay trong khi tuổi thọ vẫn đang còn.

Tâu đại vương, người bị rơi vào ngọn lửa, trong khi bị thiêu đốt, trong khi không đạt được sự dập tắt, chết không đúng thời, ngay trong khi tuổi thọ vẫn đang còn.

Tâu đại vương, người bị té vào nước, trong khi không đạt được sự nâng đỡ, chết không đúng thời, ngay trong khi tuổi thọ vẫn đang còn.

Tâu đại vương, người bị thương tích bởi gươm đao, bị lâm bệnh, trong khi không đạt được thầy thuốc, chết không đúng thời, ngay trong khi tuổi thọ vẫn đang còn.

Tâu đại vương, bảy hạng người này chết không đúng thời, ngay trong khi tuổi thọ vẫn đang còn.

Tâu đại vương, ở đây tôi cũng vẫn nói một cách khẳng định. Tâu đại vương, việc tử vong của các chúng sanh là theo tám cách thức: Với nguồn sanh khởi là gió, với nguồn sanh khởi là mật, với nguồn sanh khởi là đàm, do sự hội tụ (của các dịch chất trong cơ thể), do sự chuyển biến của mùa tiết, do sự bảo dưỡng không đều đặn, do sự đột ngột, do quả thành tựu của nghiệp, tâu đại vương là việc tử vong của các chúng sanh. Tâu đại vương, ở đây tức là sự tử vong do quả thành tựu của nghiệp, ở đây chính việc ấy là sự tử vong phù hợp thời gian, các việc còn lại là sự tử vong không phù hợp thời gian. Vậy là:

**'Do bị thèm ăn, do bị thèm uống, bị rắn cắn, và do chất độc, do lửa, nước, và gươm đao, ở đây là bị chết không đúng thời.**

**Do gió, và mật, do đàm, do sự hội tụ, và do các mùa tiết, do không đều đặn, do sự đột ngột, và do nghiệp, ở đây là bị chết không đúng thời.'**

3. Tâu đại vương, các chúng sanh nào đó chết do quả thành tựu của nghiệp bất thiện vì đã làm việc này việc nọ trong thời quá khứ. Tâu đại vương, ở đây kẻ nào trước đây làm những người khác bị chết vì thèm ăn, kẻ ấy trong nhiều trăm ngàn năm, (sẽ) bị hành hạ bởi sự thèm ăn, bị đói, bị kiệt sức, trái tim bị khô héo tàn tạ, muốn được ăn, bị co quắp, đang bị thiêu đốt, đang bị đốt cháy ở nội tạng, chết chính vì sự thèm ăn ngay cả lúc còn nhỏ, trung niên, già cả. Đây cũng là sự tử vong phù hợp thời gian đối với kẻ ấy.

Kẻ nào trước đây làm những người khác bị chết vì thèm uống, kẻ ấy trong nhiều trăm ngàn năm, trong khi trở thành nạ quý hạng bị thiêu đốt và bị khao khát, trở nên cần cỗi, ốm o, trái tim bị khô kiệt, chết chính vì sự thèm uống ngay cả lúc còn nhỏ, trung niên, già cả. Đây cũng là sự tử vong phù hợp thời gian đối với kẻ ấy.

Kẻ nào trước đây làm những người khác bị rắn cắn làm cho bị chết, kẻ ấy trong nhiều trăm ngàn năm, sau khi bị luân chuyển từ miệng trần đến miệng trần, từ miệng hắc xà đến miệng hắc xà, bị nhai đi nhai lại bởi chúng, chết chính vì bị những con rắn cắn ngay cả lúc còn nhỏ, trung niên, già cả. Đây cũng là sự tử vong phù hợp thời gian đối với kẻ ấy.

Yo pubbe pare viṣaṃ datvā māreti, so bahūni vassasatasahassāni ḍayhantehi aṅgapaccaṅgehi bhijjamānena sarīrena kuṇapagandhaṃ vāyanto viseneva marati daharo 'pi majjhimo 'pi mahallako 'pi. Idampi tassa sāmāyikaṃ maraṇaṃ.

Yo pubbe pare agginā māreti, so bahūni vassasatasahassāni aṅgārapabbateneva aṅgārapabbataṃ yamavisayeneva yamavisayaṃ parivattitvā daḍḍhavidadaḍḍhagatto agginā yeva marati daharo 'pi majjhimo 'pi mahallako 'pi. Idampi tassa sāmāyikaṃ maraṇaṃ.

Yo pubbe pare udakena māreti, so bahūni vassasatasahassāni hata-vilutta-bhagga-dubbalagatto khubhitacitto udake yeva<sup>1</sup> marati daharo 'pi majjhimo 'pi mahallako 'pi. Idampi tassa sāmāyikaṃ maraṇaṃ.

Yo pubbe pare sattiyā māreti, so bahūni vassasatasahassāni chinna-bhinna-kotṭita-vikotṭito satti-mukha-samāhato sattiyā yeva marati daharo 'pi majjhimo 'pi mahallako 'pi. Idampi tassa sāmāyikaṃ maraṇaṃ "ti.

4. "Bhante nāgasena, 'akāle maraṇaṃ atthi 'ti yaṃ vadesi, iṅgha me tvaṃ tattha kāraṇaṃ atidisā "ti.

"Yathā mahārāja mahatimahā-aggikkhandho ādinna<sup>2</sup>-tiṇa-katṭha-sākhā-palāso pariyādinna-bhakkho upādānasaṅkhayā nibbāyati, so aggi vuccati 'anītiko anupaddavo samaye nibbuto nāma 'ti. Evameva kho mahārāja yo koci bahūni divasasahassāni jīvitvā jarājiṇṇo āyukkhayā anītiko anupaddavo marati, so vuccati 'samaye maraṇamupagato 'ti. Yathā vā pana mahārāja mahatimahā-aggikkhandho ādinna-tiṇa-katṭha-sākhā-palāso assa, taṃ apariyādinne yeva tiṇa-katṭha-sākhā-palāse mahatimahāmegho abhippavassitvā nibbāpeyya, api nu kho so mahārāja mahā-aggikkhandho samaye nibbuto nāma hoti "ti?

"Na hi bhante "ti.

"Kissa pana so mahārāja pacchimo aggikkhandho purimakena aggikkhandhena samasamagatiko nāhosī "ti?

"Āgantukena bhante megghena patipīḷito so aggikkhandho asamaya-nibbuto "ti.<sup>3</sup>

"Evameva kho mahārāja yo koci akāle marati, so āgantukena rogena patipīḷito vātasamuṭṭhānena vā pittasamuṭṭhānena vā semhasamuṭṭhānena vā sannipātikena vā utupariṇāmajena vā visamaparihārajena vā opakkamikena vā jighacchāya vā pipāsāya vā sappadaṭṭhena vā visamāsitena vā agginā vā udakena vā sattiyā vā patipīḷito<sup>4</sup> akāle marati. Idamettha mahārāja kāraṇaṃ yena kāraṇena akāle maraṇaṃ atthi.

<sup>1</sup> khubbhitacitto udakeneva - Ma.

<sup>2</sup> ādiṇṇa - PTS.

<sup>3</sup> asamaye nibbuto - Ma.

<sup>4</sup> sattivegappaṭipīḷito - Ma.

Kẻ nào trước đây cho những người khác chất độc làm cho bị chết, kẻ ấy trong nhiều trăm ngàn năm, với các bộ phận cơ thể chính và phụ đang bị nung nóng, với cơ thể đang bị rửa ra, trong khi tỏa ra mùi thối của tử thi, chết chính vì chất độc ngay cả lúc còn nhỏ, trung niên, già cả. Đây cũng là sự tử vong phù hợp thời gian đối với kẻ ấy.

Kẻ nào trước đây làm những người khác bị chết vì lửa, kẻ ấy trong nhiều trăm ngàn năm, sau khi bị luân chuyển từ núi than hùng đến núi than hùng, từ lãnh địa của Dạ-ma đến lãnh địa của Dạ-ma, có tứ chi bị đốt cháy, bị thiêu cháy, chết chính vì lửa ngay cả lúc còn nhỏ, trung niên, già cả. Đây cũng là sự tử vong phù hợp thời gian đối với kẻ ấy.

Kẻ nào trước đây làm những người khác bị chết vì nước, kẻ ấy trong nhiều trăm ngàn năm, có thân thể bị hành hạ, bị bóc lột, bị gãy đổ, yếu đuối, có tâm bị xáo trộn, chết ở trong nước ngay cả lúc còn nhỏ, trung niên, già cả. Đây cũng là sự tử vong phù hợp thời gian đối với kẻ ấy.

Kẻ nào trước đây làm những người khác bị chết vì gươm đao, kẻ ấy trong nhiều trăm ngàn năm, bị cắt bị xé bị băm bị lóc, bị đánh đập bằng mũi dao, chết chính vì gươm đao ngay cả lúc còn nhỏ, trung niên, già cả. Đây cũng là sự tử vong phù hợp thời gian đối với kẻ ấy.”

4. “Thưa ngài Nāgasena, ngài nói rằng: ‘Có cái chết không đúng thời,’ vậy xin ngài hãy chỉ cho trẫm lý do của trường hợp ấy.”

“Tâu đại vương, giống như khối lửa to lớn khổng lồ có cỏ, củi, cành, lá đã được đem lại, có đồ tiếp liệu đã được tiêu thụ hết, bị tắt ngấm do cạn nguồn nhiên liệu. Ngọn lửa ấy được gọi là ‘đã được tắt ngấm hợp lúc, không có rủi ro, không có bất hạnh.’ Tâu đại vương, tương tự y như thế người nào đó sau khi sống nhiều ngàn ngày, trở nên già lão, rồi chết do hết tuổi thọ, không có rủi ro, không có bất hạnh, người ấy được gọi là ‘đã tiến đến cái chết hợp lúc.’ Tâu đại vương, hoặc là giống như khối lửa to lớn khổng lồ có cỏ, củi, cành, lá đã được đem lại, rồi có đám mưa to lớn khổng lồ đổ xuống làm tắt ngấm khối lửa ấy mặc dầu cỏ, củi, cành, lá còn chưa được tiêu thụ hết. Tâu đại vương, phải chăng khối lửa to lớn khổng lồ ấy gọi là đã được tắt ngấm hợp lúc?”

“Thưa ngài, không đúng.”

“Tâu đại vương, vậy thì tại sao khối lửa thứ hai ấy đã không có hành trình giống hệt với khối lửa thứ nhất?”

“Thưa ngài, bị quấy nhiễu bởi cơn mưa đột ngột, khối lửa ấy đã được tắt ngấm không hợp lúc.”

“Tâu đại vương, tương tự y như thế người nào đó chết không đúng thời, người ấy bị quấy nhiễu bởi căn bệnh đột ngột, hoặc bởi nguồn sanh khởi là gió, bởi nguồn sanh khởi là mật, bởi nguồn sanh khởi là đàm, do sự hội tụ (của các dịch chất trong cơ thể), do sự chuyển biến của mùa tiết, do sự bảo dưỡng không đều đặn, do sự đột ngột, hoặc bị quấy nhiễu bởi sự thèm ăn, bởi sự thèm uống, do việc bị rắn cắn, do việc bị ăn vào chất độc, do lửa, do nước, hoặc bởi gươm đao, rồi chết không đúng thời. Tâu đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy có sự chết không đúng thời.

5. Yathā vā pana mahārāja gagane mahatimahāvalāhako uṭṭhahitvā ninnāñca thalañca paripūrayanto abhivassati, so vuccati ‘megho anītiko anupaddavo vassati’ ti. Evameva kho mahārāja yo koci ciraṃ jīvitvā jarājiṇṇo āyukkhayā anītiko anupaddavo marati, so vuccati ‘samaye maraṇamupagato’ ti.

Yathā vā pana mahārāja gagane mahatimahāvalāhako uṭṭhahitvā antarāyeva mahatā vātena abbatthaṃ gaccheyya, api nu kho so mahārāja valāhako samaye vigato nāma hoti” ti?

“Na hi bhante” ti.

“Kissa pana so mahārāja pacchimo valāhako purimakena valāhakena samasamatikā nāhosī” ti?

“Āgantukena bhante vātena patipīlito so valāhako asamayappattoyeva vigato” ti.

6. “Evameva kho mahārāja yo koci akāle marati, so āgantukena rogena patipīlito vātasamuṭṭhānena vā —pe— sattivegapatipīlito vā akāle marati. Idamettha mahārāja kāraṇaṃ yena kāraṇena akāle maraṇaṃ atthi.

Yathā vā pana mahārāja balavā āsiviso kupito kañcīdeva purisaṃ ḍaseyya, tassa taṃ viṣaṃ anītikam-anupaddavaṃ maraṇaṃ pāpeyya, taṃ viṣaṃ vuccati ‘anītikamanupaddavaṃ koṭigatan’ ti. Evameva kho mahārāja yo koci ciraṃ jīvitvā jarājiṇṇo āyukkhayā anītiko anupaddavo marati, so vuccati ‘anītiko anupaddavo jīvitakoṭigato sāmāyikaṃ maraṇamupagato’ ti.

Yathā vā pana mahārāja balavatā āsivisena datṭhassa antarāyeva ahiguṇṭhiko<sup>1</sup> agadaṃ datvā viṣaṃ kareyya, api nu kho taṃ mahārāja viṣaṃ samaye vigataṃ nāma hoti” ti?

“Na hi bhante” ti.

“Kissa pana taṃ mahārāja pacchimaṃ viṣaṃ purimakena visena samasamatikaṃ nāhosī” ti?

“Āgantukena bhante agadena patipīlitaṃ viṣaṃ akotigataṃ yeva vigatan” ti.

“Evameva kho mahārāja yo koci akāle marati, so āgantukena rogena patipīlito vātasamuṭṭhānena vā —pe— sattivegapatipīlito vā akāle marati. Idamettha mahārāja kāraṇaṃ yena kāraṇena akāle maraṇaṃ atthi.

<sup>1</sup> āhituṇḍiko - Ma.



5. Tâu đại vương, hoặc là giống như đám mây mưa to lớn khổng lồ sau khi hiện ra ở bầu trời rồi đổ mưa làm tràn đầy vùng trũng và đất liền, nó được gọi là ‘đám mây đổ mưa không có rui ro, không có bất hạnh.’ Tâu đại vương, tương tự y như thế người nào đó sống lâu, trở nên già lão, rồi chết do hết tuổi thọ, không có rui ro, không có bất hạnh, người ấy được gọi là ‘đã tiến đến cái chết hợp lúc.’

Tâu đại vương, hoặc là giống như đám mây mưa to lớn khổng lồ sau khi hiện ra ở bầu trời rồi đi đến sự triệt tiêu vì cơn gió lớn ở ngay bên trong. Tâu đại vương, phải chăng đám mây đó gọi là đã tiêu tan hợp lúc?”

“Thưa ngài, không đúng.”

“Tâu đại vương, vậy thì tại sao đám mây thứ hai ấy đã không có hành trình giống hệt với đám mây thứ nhất?”

“Thưa ngài, bị quấy nhiễu bởi cơn gió đột ngột, đám mây ấy chính vì đã được thành lập không hợp lúc, nên đã tiêu tan.”

6. “Tâu đại vương, tương tự y như thế người nào đó chết không đúng thời, người ấy bị quấy nhiễu bởi căn bệnh đột ngột, hoặc bởi nguồn sanh khởi là gió, —(như trên)— hoặc bị quấy nhiễu bởi gươm đao, rồi chết không đúng thời. Tâu đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy có sự chết không đúng thời.

Tâu đại vương, hoặc là giống như con rắn độc có sức mạnh, bị nổi giận rồi cắn người nam nào đó, chất độc ấy có thể gây ra cái chết cho người ấy, không có rui ro, không có bất hạnh. Chất độc ấy được gọi là ‘đã đạt đến điểm tận cùng, không có rui ro, không có bất hạnh.’ Tâu đại vương, tương tự y như thế người nào đó sống lâu, trở nên già lão, rồi chết do hết tuổi thọ, không có rui ro, không có bất hạnh, người ấy được gọi là ‘đã đạt đến điểm tận cùng, đã tiến đến cái chết hợp lúc, không có rui ro, không có bất hạnh.’

Tâu đại vương, hoặc là giống như người thầy bắt rắn, đối với người bị con rắn độc có sức mạnh cắn, sau khi cho thuốc giải vào tận bên trong thì có thể làm cho hết độc. Tâu đại vương, phải chăng chất độc ấy gọi là được tiêu tan hợp lúc?”

“Thưa ngài, không đúng.”

“Tâu đại vương, vậy thì tại sao chất độc thứ hai ấy đã không có hành trình giống hệt với chất độc thứ nhất?”

“Thưa ngài, bị quấy nhiễu bởi thuốc giải đột ngột, chất độc, chính vì đã đạt đến điểm tận cùng, nên đã tiêu tan.”

“Tâu đại vương, tương tự y như thế người nào đó chết không đúng thời, người ấy bị quấy nhiễu bởi căn bệnh đột ngột, hoặc bởi nguồn sanh khởi là gió, —(như trên)— hoặc bị quấy nhiễu bởi gươm đao, rồi chết không đúng thời. Tâu đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy có sự chết không đúng thời.

7. Yathā vā pana mahārāja issattho saraṃ pāteyya, sace so saro yathāgati gamanapatha-matthakaṃ gacchati, so saro vuccati ‘anītiko anupaddavo yathāgati gamanapathamatthakaṃ gato nāmā ’ti. Evameva kho mahārāja yo koci ciraṃ jīvitvā jarājiṇṇo āyukkhayā anītiko anupaddavo marati, so vuccati ‘anītiko anupaddavo samaye maraṇamupagato ’ti.

Yathā vā pana mahārāja issattho<sup>1</sup> saraṃ pāteyya, tassa taṃ saraṃ tasmīṃ yeva khaṇe koci gaṇheyya, api nu kho so mahārāja saro yathāgati gamana-pathamatthakaṃ gato nāma hotī ”ti?

“Na hi bhante ”ti.

“Kissa pana so mahārāja pacchimo saro purimakena sarena samasama-gatiko nāhosī ”ti?

“Āgantukena bhante gahaṇena tassa sarassa gamanaṃ upacchinnan ”ti.

“Evameva kho mahārāja yo koci akāle marati, so āgantukena rogena patipīlito vātasamuṭṭhānena vā —pe— sattiya vegapatipīlito vā akāle marati. Idamettha mahārāja kāraṇaṃ yena kāraṇena akāle maraṇaṃ atthi.

8. Yathā vā pana mahārāja yo koci lohamayaṃ bhājanaṃ ākoṭeyya, tassa ākoṭanena saddo nibbattitvā yathāgati gamanapathamatthakaṃ gacchati, so saddo vuccati ‘anītiko anupaddavo yathāgati gamanapathamatthakaṃ gato nāmā ’ti. Evameva kho mahārāja yo koci bahūni divasasahassāni jīvitvā jarājiṇṇo āyukkhayā anītiko anupaddavo marati, so vuccati ‘anītiko anupaddavo samaye maraṇamupagato ’ti.

Yathā vā pana mahārāja yo koci lohamayaṃ bhājanaṃ ākoṭeyya, tassa ākoṭanena saddo nibbatteyya, nibbatte sadde dūragate koci āmaseyya, sah’ āmasanena saddo nirujjheyya, api nu kho so mahārāja saddo yathāgati gamanapathamatthakaṃ gato nāma hotī ”ti?

“Na hi bhante ”ti.

“Kissa pana mahārāja pacchimo saddo purimakena saddena samasama-gatiko nāhosī ”ti?

“Āgantukena bhante āmasanena so saddo uparato ”ti.

<sup>1</sup> issāso - Ma, evaṃ sabbattha.

7. Tàu đại vương, hoặc là giống như người cung thủ bắn ra mũi tên, nếu mũi tên ấy đi đến điểm cuối của cuộc hành trình theo đúng lộ trình, mũi tên ấy được gọi là ‘đã đi đến điểm cuối của cuộc hành trình theo đúng lộ trình, không có rủi ro, không có bất hạnh.’ Tàu đại vương, tương tự y như thế người nào đó sống lâu, trở nên già lão, rồi chết do hết tuổi thọ, không có rủi ro, không có bất hạnh, người ấy được gọi là ‘đã đạt đến điểm tận cùng, đã tiến đến cái chết hợp lúc, không có rủi ro, không có bất hạnh.’

Tàu đại vương, hoặc là giống như người cung thủ bắn ra mũi tên, ngay vào giây phút ấy người nào đó chộp lấy mũi tên ấy của người ấy. Tàu đại vương, phải chăng mũi tên ấy gọi là đã đi đến điểm cuối của cuộc hành trình theo đúng lộ trình?”

“Thưa ngài, không đúng.”

“Tàu đại vương, vậy thì tại sao mũi tên thứ hai ấy đã không có hành trình giống hệt với mũi tên thứ nhất?”

“Thưa ngài, việc di chuyển của mũi tên ấy đã bị gián đoạn vì sự chộp lấy đột ngột.”

“Tàu đại vương, tương tự y như thế người nào đó chết không đúng thời, người ấy bị quấy nhiễu bởi căn bệnh đột ngột, hoặc bởi nguồn sanh khởi là gió, —(như trên)— hoặc bị quấy nhiễu bởi gươm đao, rồi chết không đúng thời. Tàu đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy có sự chết không đúng thời.

8. Tàu đại vương, hoặc là giống như người nào đó gõ vào cái chậu bằng đồng, do việc gõ của người ấy âm thanh phát ra và truyền đi đến điểm cuối của cuộc hành trình theo đúng lộ trình. Âm thanh ấy được gọi là ‘đã đi đến điểm cuối của cuộc hành trình theo đúng lộ trình, không có rủi ro, không có bất hạnh.’ Tàu đại vương, tương tự y như thế người nào đó sau khi sống nhiều ngàn ngày, trở nên già lão, rồi chết do hết tuổi thọ, không có rủi ro, không có bất hạnh, người ấy được gọi là ‘đã đạt đến điểm tận cùng, đã tiến đến cái chết hợp lúc, không có rủi ro, không có bất hạnh.’

Tàu đại vương, hoặc là giống như người nào đó gõ vào cái chậu bằng đồng, do việc gõ của người ấy âm thanh phát ra. Khi âm thanh đã được phát ra và truyền đi xa, người nào đó chạm vào, với việc chạm vào âm thanh bị ngưng lại. Tàu đại vương, phải chăng âm thanh ấy gọi là đã đi đến điểm cuối của cuộc hành trình theo đúng lộ trình?”

“Thưa ngài, không đúng.”

“Tàu đại vương, vậy thì tại sao âm thanh thứ hai ấy đã không có hành trình giống hệt với âm thanh thứ nhất?”

“Thưa ngài, việc di chuyển của âm thanh ấy đã bị ngưng lại vì sự chạm vào đột ngột.”

“Evameva kho mahārāja yo koci akāle marati, so āgantukena rogena patipīlito vātasamuṭṭhānena vā —pe— sattivēgapatipīlito vā akāle marati. Idamettha mahārāja kāraṇaṃ yena kāraṇena akāle maraṇaṃ atthi.

9. Yathā vā pana mahārāja khetto suvirūḷhaṃ dhaññabījaṃ sammā pavattamānena vassena otata-vitata-ākīṇṇa-bahuphalam hutvā sassuṭṭhānasamayaṃ pāpuṇāti, taṃ dhaññaṃ vuccati ‘anītikamanupaddavaṃ samayasampattaṃ nāma hoti ’ti. Evameva kho mahārāja yo koci bahūni divasasahassāni jīvitvā jarājiṇṇo āyukkhayā anītiko anupaddavo marati, so vuccati ‘anītiko anupaddavo samaye maraṇamupagato ’ti.

Yathā vā pana mahārāja khetto suvirūḷhaṃ dhaññabījaṃ udakena vikalaṃ mareyya, api nu kho taṃ mahārāja dhaññaṃ samayasampattaṃ nāma hoti ”ti?

“Na hi bhante ”ti.

“Kissa pana taṃ mahārāja pacchimaṃ dhaññaṃ purimakena dhaññena samasamagatikaṃ nāhosī ”ti?

“Āgantukena bhante uṇhena patipīlitaṃ taṃ dhaññaṃ matan ”ti.

10. “Evameva kho mahārāja yo koci akāle marati, so āgantukena rogena patipīlito vātasamuṭṭhānena vā —pe— sattivēgapatipīlito vā akāle marati. Idamettha mahārāja kāraṇaṃ yena kāraṇena akāle maraṇaṃ atthi.

Sutapubbaṃ pana tayā mahārāja sampannaṃ taruṇasassaṃ kimayo utṭahitvā samūlaṃ nāsenti ”ti?

“Sutapubbañceva taṃ bhante amhehi diṭṭhapubbañcā ”ti.

“Kinno kho taṃ mahārāja sassaṃ kāle naṭṭhaṃ, udāhu akāle naṭṭhan ”ti?

“Akāle bhante. Yadi kho taṃ bhante sassaṃ kimayo na khādeyyuṃ, sassuddharaṇasamayaṃ pāpuṇeyyā ”ti.

“Kimpana mahārāja āgantukena upaghātena sassaṃ vinassati, nirupaghātaṃ sassaṃ sassuddharaṇasamayaṃ pāpuṇāti ”ti?

“Āma bhante ”ti.

“Tâu đại vương, tương tự y như thế người nào đó chết không đúng thời, người ấy bị quấy nhiễu bởi căn bệnh đột ngột, hoặc bởi nguồn sanh khởi là gió, —(như trên)— hoặc bị quấy nhiễu bởi gươm đao, rồi chết không đúng thời. Tâu đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy có sự chết không đúng thời.

9. Tâu đại vương, hoặc là giống như hạt lúa giống đã được mọc lên tốt đẹp ở thửa ruộng, nhờ vào cơn mưa đang được vận hành đúng đắn mà được cắm sâu, tỏa rộng, chen chúc, có nhiều kết quả, và đạt đến lúc phát triển mùa màng. Hạt lúa ấy được gọi là ‘đã thành tựu mùa vụ, không có rui ro, không có bất hạnh.’ Tâu đại vương, tương tự y như thế người nào đó sau khi sống nhiều ngàn ngày, trở nên già lão, rồi chết do hết tuổi thọ, không có rui ro, không có bất hạnh, người ấy được gọi là ‘đã tiến đến cái chết hợp lúc, không có rui ro, không có bất hạnh.’

Tâu đại vương, hoặc là giống như hạt giống lúa đã được mọc lên tốt đẹp ở thửa ruộng, bị thiếu nước, có thể chết. Tâu đại vương, phải chăng hạt lúa ấy gọi là đã thành tựu mùa vụ?”

“Thưa ngài, không đúng.”

“Tâu đại vương, vậy thì tại sao hạt lúa thứ hai ấy đã không có hành trình giống hệt với hạt lúa thứ nhất?”

“Thưa ngài, bị quấy nhiễu bởi sức nóng đột ngột nên hạt lúa ấy đã bị chết.”

10. “Tâu đại vương, tương tự y như thế người nào đó chết không đúng thời, người ấy bị quấy nhiễu bởi căn bệnh đột ngột, hoặc bởi nguồn sanh khởi là gió, —(như trên)— hoặc bị quấy nhiễu bởi gươm đao, rồi chết không đúng thời. Tâu đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy có sự chết không đúng thời.

Tâu đại vương, có phải ngài đã được nghe trước đây là khi mùa màng còn non được đạt đến, thì các con sâu xuất hiện và tàn phá bộ rễ?”

“Thưa ngài, điều ấy không những trăm đã được nghe trước đây mà còn được nhìn thấy trước đây nữa.”

“Tâu đại vương, vậy thì mùa màng ấy bị hư hại đúng thời, hay là bị hư hại không đúng thời?”

“Thưa ngài, không đúng thời. Thưa ngài, nếu các con sâu không gặm nhấm mùa màng ấy, thì có thể đạt đến lúc thu hoạch mùa màng.”

“Tâu đại vương, vậy thì có phải do bị phá hoại đột ngột mà mùa màng bị hư hại, còn mùa màng không bị hư hại thì đạt đến lúc thu hoạch mùa màng?”

“Thưa ngài, đúng vậy.”

“Evameva kho mahārāja yo koci akāle marati, so āgantukena rogena patipīlito vātasamuṭṭhānena vā —pe— sattivegapatipīlito vā marati.<sup>1</sup> Idamettha mahārāja kāraṇaṃ yena kāraṇena akāle maraṇaṃ atthi.

11. Sutapubbaṃ pana tayā mahārāja sampanne sasse phalabhāranamite mañjaritapatte karakavassaṃ nāma vassajāti nipatitvā vināseti, aphaḷaṃ karotī ”ti?

“Sutapubbañceva taṃ bhante amhehi diṭṭhapubbañcā ”ti.

“Api nu kho taṃ mahārāja sassaṃ kāle natṭhaṃ, udāhu akāle natṭhan ”ti?  
“Akāle bhante. Yadi kho taṃ bhante sassaṃ karakavassaṃ na vasseyya, sassuddharaṇasamayaṃ pāpuṇeyyā ”ti.

“Kimpana mahārāja āgantukena upaghātena sassaṃ vinassati, nirupaghātaṃ sassaṃ sassuddharaṇasamayaṃ pāpuṇātī ”ti?  
“Āma bhante ”ti.

“Evameva kho mahārāja yo koci akāle marati, so āgantukena rogena patipīlito vātasamuṭṭhānena vā pittasamuṭṭhānena vā semhasamuṭṭhānena vā sannipātikena vā utupariṇāmajena vā visamaparihārajena vā opakkamikena vā jighacchāya vā pipāsāya vā sappadaṭṭhena vā visamāsitena vā agginā vā udakena vā sattivegapatipīlito vā akāle marati. Yadi pana āgantukena rogena patipīlito na bhavēyya, samayeva maraṇaṃ pāpuṇeyya. Idamettha mahārāja kāraṇaṃ yena kāraṇena akāle maraṇaṃ atthi.

12. “Acchariyaṃ bhante nāgasena! Abbhutaṃ bhante nāgasena! Sudassitaṃ kāraṇaṃ, sudassitaṃ opammaṃ akāle maraṇassa paridipānāya. ‘Atthi akāle maraṇaṃ ’ti uttānīkataṃ pākātaṃ kataṃ vibhūtaṃ kataṃ. Citta<sup>2</sup>vikkhittako ’pi bhante nāgasena manujo ekamekenapi tāva opammena niṭṭhaṃ gaccheyya ‘atthi akāle maraṇaṃ ’ti. Kimpana manujo sacetano? Paṭhamopammenevāhaṃ bhante saññatto ‘atthi akāle maraṇaṃ ’ti. Api ca aparāparaṃ nibbāhanaṃ sotukāmo na sampaṭicchīn ”ti.

### **Akālamarāṇapañho chaṭṭho.**

\*\*\*\*\*

<sup>1</sup> vā akāle marati - PTS.

<sup>2</sup> acitta° - Ma, PTS.

“Tâu đại vương, tương tự y như thế người nào đó chết không đúng thời, người ấy bị quấy nhiễu bởi căn bệnh đột ngột, hoặc bởi nguồn sanh khởi là gió, —(như trên)— hoặc bị quấy nhiễu bởi gươm đao, rồi chết không đúng thời. Tâu đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy có sự chết không đúng thời.

11. Tâu đại vương, có phải ngài đã được nghe trước đây là khi mùa màng được đạt đến, được trĩu cong bởi gánh nặng của những hạt, đạt được sự phát triển trọn vẹn, thì có trận mưa sanh lên gọi là mưa đá rơi xuống và phá hoại, làm cho không có kết quả?”

“Thưa ngài, điều ấy không những trăm đã được nghe trước đây mà còn được nhìn thấy trước đây nữa.”

“Tâu đại vương, vậy thì mùa màng ấy bị hư hại đúng thời, hay là bị hư hại không đúng thời?”

“Thưa ngài, không đúng thời. Thưa ngài, nếu trận mưa đá không đổ mưa xuống mùa màng ấy, thì có thể đạt đến lúc thu hoạch mùa màng.”

“Tâu đại vương, vậy thì có phải do bị phá hoại đột ngột mà mùa màng bị hư hại, còn mùa màng không bị hư hại thì đạt đến lúc thu hoạch mùa màng?”

“Thưa ngài, đúng vậy.”

“Tâu đại vương, tương tự y như thế người nào đó chết không đúng thời, người ấy bị quấy nhiễu bởi căn bệnh đột ngột, hoặc bởi nguồn sanh khởi là gió, bởi nguồn sanh khởi là mật, bởi nguồn sanh khởi là đàm, do sự hội tụ (của các dịch chất trong cơ thể), do sự chuyển biến của mùa tiết, do sự bảo dưỡng không đều đặn, do sự đột ngột, hoặc bị quấy nhiễu bởi sự thèm ăn, bởi sự thèm uống, do việc bị rắn cắn, do việc bị ăn vào chất độc, do lửa, do nước, hoặc bởi gươm đao, rồi chết không đúng thời. Tuy nhiên, nếu không bị quấy nhiễu bởi căn bệnh đột ngột, thì có thể đạt đến cái chết đúng thời. Tâu đại vương, ở đây điều này là lý do mà với lý do ấy có sự chết không đúng thời.”

12. “Thưa ngài Nāgasena, thật là kỳ diệu! Thưa ngài Nāgasena, thật là phi thường! Lý do đã được chỉ rõ, ví dụ đã được chỉ rõ nhằm làm sáng tỏ về việc chết không đúng thời. Vấn đề ‘có sự chết không đúng thời’ đã được làm rõ, đã được làm rõ ràng, đã được làm hiển hiện. Thưa ngài Nāgasena, cho đâu chỉ cần với một ví dụ thôi, thậm chí người có tâm lơ đãng cũng có thể đi đến kết luận là ‘có sự chết không đúng thời,’ vậy thì còn có điều gì nữa với người có tâm tư? Thưa ngài, chỉ với ví dụ đầu tiên thì trăm đã hiểu được là: ‘Có sự chết không đúng thời.’ Tuy nhiên, là người có ước muốn được nghe sự giải quyết theo tuần tự nên trăm đã không chấp nhận.”

### **Câu hỏi về việc chết không đúng thời là thứ sáu.**

\*\*\*\*\*